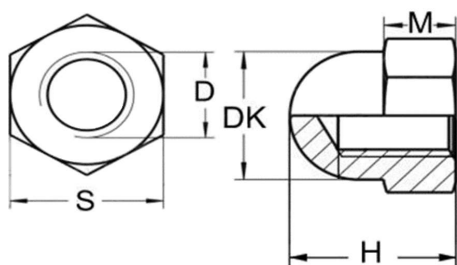


TÁN BẦU INOX DIN 1587

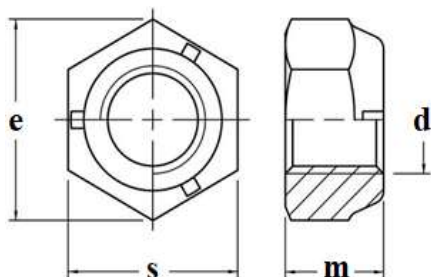


Mã vật liệu (V)

G00	Inox 201
H00	Inox 304

Mã hàng	Kích thước ren (D)	Vật liệu (V)	Khóa (S)	H (mm)		M (mm)		DK (mm)
				Min	Max	Min	Max	
N04M0301(V)	M3	H00	-	-	-	-	-	-
N04M0401(V)	M4	H00	7	7.64	8	2.9	3.2	6.5
N04M0501(V)	M5	H00	8	9.64	10	3.7	4	7.5
N04M0601(V)	M6	G00 - H00	10	11.57	12	4.7	5	9.5
N04M0801(V)	M8	G00 - H00	13	14.57	15	6.14	6.5	12.5
N04M1001(V)	M10	G00 - H00	16	17.57	18	7.64	8	15
N04M1201(V)	M12	G00 - H00	18	21.48	22	9.64	10	17
N04M1401(V)	M14	G00 - H00	21	24.48	25	10.3	11	20
N04M1601(V)	M16	G00 - H00	24	27.48	28	12.3	13	23

TÁN KHÓA DIN 980



Mã vật liệu (V)

D20	Thép 8.8 mạ kẽm
H00	Inox 304

Mã hàng	Kích thước ren (d)	Vật liệu (V)	s (mm)		m (mm)		e (mm)
			Min	Max	Min	Max	Min
N18M0601(V)	M6	D20 - H00	9.78	10	5.7	6	11.05
N18M0801(V)	M8	D20 - H00	12.73	13	7.5	8	14.38
N18M1001(V)	M10	D20 - H00	16.73	17	9	10	18.9
N18M1201(V)	M12	D20 - H00	18.67	19	11	12	21.1
N18M1401(V)	M14	D20 - H00	21.67	22	12	14	24.49
N18M1601(V)	M16	D20 - H00	23.67	24	14	16	26.75